

Bản án số: 164/2020/HS-PT

Ngày: 06 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Nguyễn Đức Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Co Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 672/2019/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với vụ án Trần Hoàng D và đồng phạm do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 340/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đương sự có kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (Công ty TNHH L).

Địa chỉ: Số 15-17 Đường 19E, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn Đồng T – Giám đốc (vắng mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 08 bị cáo Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H (H2), Lê Út H1 (M), Trần Văn N, Trương Văn C (H3), Đào Văn D1, Võ Văn T1 (Đ), Lê Văn A và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng D làm nghề lái xe tải nên quen biết với những người cùng nghề lái xe và phụ xe là Nguyễn Văn H, Lê Út H1, Trần Văn N, Trương Văn C, Đào Văn D1, Võ Văn T1 và Lê Văn A.

Ngày 09/11/2017, Nguyễn Văn H phát hiện trong dự án Khu dân cư The S tại xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH L (trụ sở tại số 15-17 Đường 19E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) làm đơn vị thi công dự án. Và trong dự án này có 05 cuộn dây cáp điện ngoài trời nên H bàn với Trần Hoàng D và Võ Văn T1 lấy số cáp điện này mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D đồng ý. Khoảng 08 giờ cùng ngày (09/11/2017) D lái xe ô tô hiệu Hondan City biển số 67A-068.64 chở H và T1 đến Khu dân cư The S khảo sát vị trí, địa hình để có kế hoạch tổ chức việc trộm cắp tài sản và tại đây các đối tượng này xác định nhưng cuộn dây cáp ngầm có lỗi đồng bên trong.

Khoảng 21 giờ ngày 12/11/2017, D đi uống cà phê cùng với Lê Út H1 và Lê Văn A tại một quán trên đường D, Quận 9. Tại đây, D rủ H2 và A đến Khu dân cư The S để trộm và khống chế bảo vệ để cướp dây cáp đồng bán lấy tiền tiêu xài thì H2 và A đồng ý. D phân công A mua dây dù và băng keo, còn D mang theo súng bắn bi và điện thoại bảo Nguyễn Văn H chuẩn bị một xe tải để chở các cuộn cáp. A đến chợ T2, Quận X9 mua 01 cuộn băng keo màu vàng và khoảng 6m dây dù màu xanh, cắt ngắn ra thành 4-5 đoạn có chiều dài khoảng 1 - 1,5m/đoạn. Sau đó, D điều khiển xe ô tô Hondan City biển số 67A-068.64 chở H2 và A đi về hướng N. Trên đường đi, D rủ Trần Văn N, Trương Văn C cùng tham gia thì N và C đồng ý, rồi D điều khiển xe ô tô Hondan City biển số 67A-068.64 đến ngã 4 MK - Xa lộ Hà Nội đón N và C rồi cùng đi về hướng N. Về phía C điện thoại rủ thêm Đào Văn D1 và kêu D1 điều khiển xe chạy ra trạm thu phí số 2 trên đường N1 chờ, khi nào C điện thoại thì D1 chạy xe đến Khu dân cư The S, về phía H thì lái xe tải biển số 50C-186.48 chở Võ Văn T1 đến gần Khu dân cư The S rồi dừng xe lại chờ D đến.

Khi gần đến Khu dân cư The S, thì D gặp xe tải của H nên T1 chuyển sang đi chung xe với D và trên đường đi đến Khu dân cư The S, thì D kêu H2 lấy 02 khẩu súng bắn đạn bi để trong ngăn phía sau ghế ngồi của D để bơm gas và sau khi H2 bơm gas cho súng xong thì đưa 01 khẩu súng cho D giữ, còn H2 giữ lại 01 khẩu.

Khoảng hơn 00 giờ ngày 13/11/2017, D chạy xe ô tô biển số 67A-068.64 đến cổng Khu dân cư The S, thì anh Trần Văn Y là bảo vệ công ty đến hỏi, D liền bước xuống xe, chìa súng vào đầu anh Y nói: *“Giám đốc mày thiếu tao 15 tỷ, tụi mày im nếu không tao xử tụi mày luôn”*. T1, H2 cũng bước xuống xe, yêu cầu anh Y vào xe ô tô, ngay sau đó A lấy dây dù, băng keo đưa cho T1 và H2 trói hai tay anh Y ra phía sau. Lúc này D hỏi còn có nhA viên bảo vệ nào nữa không thì anh Y trả lời có anh Từ Ngọc X cùng trực C đêm, nên D yêu cầu anh Y sử dụng bộ đàm liên lạc kêu anh Từ Ngọc X đi ra cổng, tiếp đó H2 và T1 dùng băng keo dán miệng anh Y. Lát sau, anh X từ phía trong chạy xe máy ra, vừa dừng xe lại hỏi *“có chuyện gì?”* thì D bước đến chìa súng vào đầu anh X, còn tay trái tát vào mặt anh X, đồng thời bảo anh X bước xuống xe, cùng lúc này An, H2 và T1 cũng xuống xe khống chế, trói hai tay anh X quặt ra sau, đưa anh X vào trong ô tô rồi dùng băng keo dán miệng lại. Sau đó, D kêu N cởi áo bảo vệ của anh Y mặc vào người và đứng tại cổng đóng vai bảo vệ, còn D điều khiển

xe ô tô chạy vào trong khoảng 10 mét thì dừng lại. T1, C, H2 dẫn anh Y và anh X vào trong bụi cỏ cách lề đường khoảng 50m, trói hai chA của anh Y và anh X vào chung để cho 02 anh không chạy thoát. Sau đó, H2 đưa T1 cây súng để đứng Cnh giữ anh Y và anh X, về phía D thì chạy thẳng xe đến nơi để 05 cuộn dây cáp đồng rồi điện thoại cho H biết là đã khống chế được bảo vệ và kêu H chạy xe tải biển số 50C-186.48 cùng D1 điều khiển xe tải biển số 60C-37179 chạy vào trong. Trước đó, D điện thoại thuê 01 xe cẩu đến cẩu 03 cuộn cáp điện hạ thế lên xe tải của H và cẩu 02 cuộn cáp điện trung thế lên xe của D1 rồi phủ bạt đen che các cuộn cáp điện lại. Sau đó, D lái xe ô tô chở A và N, D1 điều khiển xe tải chở C và T1, còn H2 điều khiển xe tải chở H chạy về hướng Co tốc Long Thành - Dầu Giây. Trên đường đi, đến khoảng 03 giờ cùng ngày 13/11/2017, thì D gọi điện thoại cho ông Lê Đình Đ1 làm nghề kinh doanh phế liệu nói có dây cáp đồng làm công trình ở Long An còn D1 nên cần thanh lý thì ông Đ1 đồng ý mua theo giá phế liệu và hướng dẫn D đưa dây cáp đồng đến bãi phế liệu của Đ1 tại xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai để giao dịch.

Đến khoảng 06 giờ cùng ngày 13/11/2017, D cùng đồng phạm đưa 05 cuộn dây cáp đồng đến kho phế liệu của Đức tại xã L, huyện L1, tỉnh Đồng Nai. Tại đây D cho biết số dây cáp đồng này làm công trình ở Long An còn D1 nên cần thanh lý và sau khi xem dây đồng ông Đ1 trả giá cuộn dây cáp điện trung thế là 105.000 đồng/kg, cuộn dây cáp điện hạ thế giá 110.000 đồng/kg, tổng cộng 05 cuộn dây cáp điện có giá là 867.000.000 đồng thì D đồng ý bán, nên phía D đã giao 05 cuộn dây cáp điện cho ông Đ1, còn Ông Đ1 đã thanh toán đủ số tiền 867.000.000 đồng cho D. Sau khi nhận đủ số tiền bán 05 cuộn cáp điện thì các đối tượng chia nhau mỗi người 105.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng đưa cho H trả tiền thuê xe.

Về phía anh Trần Văn Y và anh Từ Ngọc X thì vào lúc 02 giờ cùng ngày 14/11/2019 được anh Bùi Văn H3 là công nhân Khu dân cư The S đi chơi về phát hiện nên giải cứu và đi trình báo vụ việc với cơ quan công an.

Về phía ông Đ1 sau khi mua 05 cuộn giây đồng này thì ông Đ1 thuê nhA công cắt 05 cuộn dây cáp trên thành nhiều đoạn nhỏ lấy lõi đồng để bán lại cho các chủ kho phế liệu khác. Nhưng sau đó ông Đ1 yêu cầu D mang giấy tờ thanh lý đến thì D chỉ hứa mà không làm, đồng thời ông Đ1 xem báo trên mạng Internet, thấy có tin vụ mất cáp 05 cuộn dây cáp đồng tại Khu dân cư The S giống số cáp đồng mà Đ1 đã mua của D, nên ông Đ1 đã báo sự việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Về phía Cơ quan điều tra đã xác minh, theo dõi Trần Hoàng D thì đến ngày 18/11/2017 đã tiến hành bắt giữ khẩn cấp đối với Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H, Lê Út H1, đến ngày 22/11/2017 Cơ quan điều tra tiếp tục bắt khẩn cấp đối với Trương Văn C, Trần Văn N, rồi đến ngày 20/12/2017, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp đối với Võ Văn T1. Riêng Đào Văn D1 đã tự đến cơ quan điều tra đầu thú cùng ngày 22/11/2017 và riêng Lê Văn A bị Công an huyện C1, tỉnh Hà Tĩnh tạm giam về hành vi “Trộm cắp tài sản” trong một vụ án khác.

Ngày 18/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí

Minh ra Quyết định kê biên số dây cáp điện thu hồi từ ông Đ1, rồi giao trả cho chủ sở hữu là Công ty TNHH L. Sau khi nhận lại số cáp điện trên, Công ty TNHH L có công văn cho rằng 05 cuộn dây cáp ngầm bị cướp là cáp điện mới nguyên cuộn, trong đó cáp điện trung thế có chiều dài 250m/cuộn và cáp điện hạ thế có chiều dài 500m/cuộn. Nhưng số cáp thu hồi bị thiếu so với thông số của nhà sản xuất, cụ thể bị thất thoát 179,6m cáp trung thế và 365,7m cáp hạ thế.

Tại Bản kết luận định giá tài sản không số ngày 14/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: Tổng giá trị 05 cuộn cáp điện còn mới là: 1.630.954.600 đồng (trong đó 03 cuộn cáp điện hạ thế và 02 cuộn cáp điện trung thế).

*Tại bản án hình sự sơ thẩm 340/2019/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với các bị cáo Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H);

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với các bị cáo Lê Út H1, Trần Văn N, Trương Văn C, Đào Văn D1 và Võ Văn T1);

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Lê Văn A);

Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 123; Điều 131; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 Bộ luật DÂN sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt: Trần Hoàng D 20 (hai mươi) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 18/11 /2017; Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Hòa) 18 (mười tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2017; Lê Út H1 (tên gọi khác: Minh) 15 (mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2017; Trương Văn C (tên gọi khác: Hùng) 15 (mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2017; Võ Văn T1 (tên gọi khác: Đen) 15 (mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2017; Lê Văn A 15 (mười lăm) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2019/HS-ST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thì bị cáo Lê Văn A phải chấp hành hình phạt

chung của hai bản án là: 18 (mười tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2018; Trần Văn N 13 (mười ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2017; Đào Văn D1 12 (mười hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2017.

Buộc các bị cáo Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H, Lê Út H1, Trần Văn N, Trương Văn C, Đào Văn D1, Võ Văn T1 và Lê Văn A liên đới bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn L số tiền 879.514.600 đồng (tám trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm mười bốn nghìn, sáu trăm đồng).

Buộc Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H, Lê Út H1, Trần Văn N, Trương Văn C, Đào Văn D1, Võ Văn T1 và Lê Văn A hoàn lại cho ông Lê Đình Đ1 số tiền là 566.550.357 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó mỗi người phải hoàn lại cho ông Lê Đình Đ1 số tiền gốc là: 70.818.794 đồng (bảy mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng), nhưng được cân trừ số tiền này vào số tiền mà các bị cáo có tên sau đây đã nộp trong quá trình điều tra là: Trần Hoàng D đã nộp là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); Nguyễn Văn H đã nộp là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); Lê Út H1 đã nộp 1000 đồng (tám mươi tư triệu đồng); Trần Văn N đã nộp là 91.147.500 đồng (chín mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng); Trương Văn C đã nộp là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng); Đào Văn D1 đã nộp là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); Võ Văn T1 đã nộp là 1.200.000 đồng (một triệu, hai trăm nghìn đồng). Sau khi cân trừ nếu còn thiếu thì phải nộp thêm số tiền còn thiếu tương ứng, nếu D1 ra thì tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành các nghĩa vụ khác của các bị cáo. Chi tiết sau khi cân trừ là:

Trần Hoàng D còn thiếu là 818.794 đồng (tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Nguyễn Văn H còn thiếu là 67.318.794 đồng (sáu mươi bảy triệu, ba trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Đào Văn D1 còn thiếu là 30.818.794 đồng (ba mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Võ Văn T1 còn thiếu là 69.618.794 đồng (sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Lê Văn A vẫn còn nguyên nghĩa vụ hoàn tiền lại ông Lê Đình Đ1 là 70.818.794 đồng (bảy mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Lê Út H1 D1 số tiền là 13.181.206 đồng (mười ba triệu, một trăm tám mươi một nghìn, hai trăm linh sáu đồng); Trần Văn N D1 số tiền là 20.328.706 đồng (hai mươi triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng) và Trương Văn C D1 số tiền là 24.181.206 đồng (hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi một nghìn, hai trăm linh sáu đồng).

(Số tiền mà các bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra nêu trên được tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.9059775.00000 và tài khoản số 3949000009058790 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước Quận X10, liệt kê theo các Giấy nộp tiền ngày 09/11/2018, 01/02/2018 của Kho bạc Nhà nước Quận X10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chứng nhận nộp tiền số 030418.2770.0008 của Ngân hàng Ngoại

thưmg Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2019 bị hại công ty TNHH L có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần dân sự của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của bị hại có kháng cáo đã có mặt nộp giấy triệu tập nhưng vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm dựa vào giá của Hội đồng định giá để quyết định về phần trách nhiệm dân sự, kháng cáo của bị hại là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị hại công ty TNHH L làm trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo pháp luật của bị hại công ty TNHH L là ông Mai Văn Đồng T đã có mặt, nộp giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do khi xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ngày 12/11/2017 nhóm của Trần Hoàng D tổ chức thực hiện hành vi cướp 05 cuộn dây cáp điện của công ty TNHH L (đơn vị thi công dự án Khu dân cư The S tại xã Long Thới, huyện N). Ngày 13/11/2017, nhóm Trần Hoàng D bán 05 cuộn dây đồng cho ông Lê Đình Đ1 với tổng số tiền là 867.000.000 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Hoàng D và đồng phạm phạm tội “Cướp tài sản” theo khoản 4 Điều 168 Bộ luật hình sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho công ty TNHH L số tiền 879.514.600 đồng.

[3] Xét nội dung kháng cáo:

Sau khi mua 05 cuộn dây cáp điện từ nhóm bị cáo Trần Hoàng D, ông Lê Đình Đ1 cắt ngắn cáp để lấy lõi đồng là phù hợp việc mua bán phế liệu, nhưng việc cắt ngắn này lại làm giảm giá trị của tài sản, việc giảm giá trị này không có lỗi của bên mua, mà là do lỗi của bên nhóm Trần Hoàng D. Công ty TNHH L, các bị cáo và ông Đ1 đều thống nhất xác định 1.134,3 mét dây cáp điện hạ thế có giá trị là 507.120.000 đồng và 320,4 mét dây cáp điện trung thế có giá trị là 244.320.000 đồng, tổng cộng giá trị theo giá phế liệu 751.440.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm, bị hại cho rằng thiệt hại của công ty L là 1.137.300.000 đồng và yêu cầu ông Lê Đình Đ1 phải là người bồi thường cho bị hại số tiền 731.246.000 đồng, các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 406.054.000 đồng. Xét thấy, căn cứ Kết luận định giá tài sản ngày 14/11/2017 thì cả 05 cuộn dây cáp điện còn nguyên mới có giá trị là 1.630.954.600 đồng, từ đó có cơ sở xác định Công ty L chỉ bị thiệt hại tổng cộng là 879.514.600 đồng (1.630.954.600 đồng - 751.440.000 đồng = 879.514.600 đồng). Các bị cáo là người gây ra thiệt hại cho công ty nên phải liên đới bồi thường thiệt hại (bao gồm cả giá trị tài sản bị giảm).

Số tiền các bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra là tiền ông Đ1 thanh toán khi mua dây cáp nên không phải là vật chứng vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm là có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại công ty Trách nhiệm hữu hạn công ty L về phân trách nhiệm dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H, Lê Út H1, Trần Văn N, Trương Văn C, Đào Văn D1, Võ Văn T1 và Lê Văn A liên đới bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn L số tiền 879.514.600 đồng (tám trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm mười bốn nghìn, sáu trăm đồng).

Buộc Trần Hoàng D, Nguyễn Văn H, Lê Út H1, Trần Văn N, Trương Văn C, Đào Văn D1, Võ Văn T1 và Lê Văn A hoàn lại cho ông Lê Đình Đ1 số tiền là 566.550.357 đồng (năm trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi nghìn, ba trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó mỗi người phải hoàn lại cho ông Lê Đình Đ1 số tiền gốc là: 70.818.794 đồng (bảy mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng), nhưng được trừ số tiền này vào số tiền mà các bị cáo có tên sau đây đã nộp trong quá trình điều tra là: Trần Hoàng D đã nộp là

70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); Nguyễn Văn H đã nộp là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng); Lê Út H1 đã nộp 1000 đồng (tám mươi tư triệu đồng); Trần Văn N đã nộp là 91.147.500 đồng (chín mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng); Trương Văn C đã nộp là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng); Đào Văn D1 đã nộp là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); Võ Văn T1 đã nộp là 1.200.000 đồng (một triệu, hai trăm nghìn đồng). Sau khi cân trừ nếu còn thiếu thì phải nộp thêm số tiền còn thiếu tương ứng, nếu D1 ra thì tạm giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành các nghĩa vụ khác của các bị cáo. Chi tiết sau khi cân trừ là:

Trần Hoàng D còn thiếu là 818.794 đồng (tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Nguyễn Văn H còn thiếu là 67.318.794 đồng (sáu mươi bảy triệu, ba trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Đào Văn D1 còn thiếu là 30.818.794 đồng (ba mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Võ Văn T1 còn thiếu là 69.618.794 đồng (sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Lê Văn A vẫn còn nguyên nghĩa vụ hoàn tiền lại ông Lê Đình Đ1 là 70.818.794 đồng (bảy mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Lê Út H1 D1 số tiền là 13.181.206 đồng (mười ba triệu, một trăm tám mươi một nghìn, hai trăm linh sáu đồng); Trần Văn N D1 số tiền là 20.328.706 đồng (hai mươi triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng) và Trương Văn C D1 số tiền là 24.181.206 đồng (hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi một nghìn, hai trăm linh sáu đồng).

(Số tiền mà các bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra nêu trên được tạm giữ trong tài khoản số 3949.0.9059775.00000 và tài khoản số 3949000009058790 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước Quận X10, liệt kê theo các Giấy nộp tiền ngày 09/11/2018, 01/02/2018 của Kho bạc Nhà nước Quận X10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chứng nhận nộp tiền số 030418.2770.0008 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối Co;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- TTG công an TP.HCM;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Sở tư pháp TP.HCM;
- BH (1);
- Lưu (10) 20b (Ấn39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối Cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- TTG công an tỉnh Bình Dương;
(Tổng đài cho bị cáo)
- BCTN (3);
- Lưu (10) 21b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười

